

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Ba Đình
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Xây dựng mới các TBA trên địa bàn các phường Minh Khai, Xuân Đình quận Bắc Từ Liêm năm 2025.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Phường Tây tựu, Xuân Đình và được xác định trong Bản vẽ kèm theo
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 120 ngày
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 120 ngày
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: 31/10/2025.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: ____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: ____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]; ...
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ____ [Chủ đầu tư điền]
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ____ [liệt kê tài liệu].
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này

	<p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
<b>E-ĐKC 8.11</b>	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
<b>E-ĐKC 9.3</b>	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: <i>không áp dụng</i>.</p>
<b>E-ĐKC 11.2</b>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>]. <b>Không áp dụng</b></p>
<b>E-ĐKC 11.4</b>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <b>Không áp dụng</b></p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm đối với máy móc, thiết bị, người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</p>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	<p>Thời gian bảo hành công trình: <b>2 năm tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.</b></p>
<b>E-ĐKC 21</b>	<p>Thông tin về Công trường là: Phường Tây Tựu, quận Đình.</p>

<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: <b>31/10/2025</b>
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại toà án do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của toà án là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân thủ.</p> <p>Nhà thầu có thời hạn 3 ngày(2) (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: <b>31/10/2025.</b></li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: <b>28/2/2026</b></li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 10.000.000 VNĐ.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian dự kiến;</li> <li>- Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ;</li> </ul>

	<p>- Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình.</p> <p>2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.</p> <p>3. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.</p>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p>1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.</p> <p>2. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>3. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</p>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: <i>Đơn giá cố định</i>
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: <i>Cố định</i>
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng: 20% giá hợp đồng.</p> <p>Giá trị tạm ứng hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng, khi Bên A nhận được các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;</li> <li>- Biên bản bàn giao mặt bằng thi công (bàn giao toàn bộ hoặc bàn giao từng phần).</li> <li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương theo Mẫu số 16 đã nêu trong E-HSMT.</li> </ul> <p>Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên.</p> <p>Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên</p>

	<p>B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo mẫu số 15 đã nêu trong E-HSMT.</li> <li>- Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết</li> </ul> <p>(Nếu trong vòng 10 ngày nhà thầu không có hồ sơ tạm ứng thì được hiểu rằng nhà thầu không cần tạm ứng).</p>
<p><b>E-DKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: 14 ngày làm việc (trừ trường hợp có yêu cầu/ yếu tố khác của nhà tài trợ) kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo yêu cầu.</li> </ul> <p>Phương thức thanh toán: Không thanh toán theo giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị thanh toán của bên B</li> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế (nếu có) và đại diện bên nhận thầu. Biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết (áp dụng đối với hợp đồng trọn gói);</li> </ul> </li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;</li> <li>- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.</li> <li>- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp theo qui định</li> </ul> <p>và nộp bảo lãnh bảo hành, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% tổng giá trị khối lượng hoàn thành (hoặc giá trị quyết toán của hợp đồng)</p> <p>5% giá trị còn lại sẽ được thanh toán cho bên B sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn của cấp có thẩm quyền.</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	Điều chỉnh thuế: <b>được phép</b>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: thực hiện Phù hợp nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng xây dựng theo Luật Xây dựng; Nghị định 50/2021/NĐ-CP; Nghị định 37/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan.
<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt: Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Nhà thầu: nếu chậm tiến độ 7 ngày thì phạt 0,5 % giá hợp đồng cho 7 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm</li> <li>-Mức khấu trừ cho giá trị phần công việc hoặc giá trị phần hợp đồng chậm thực hiện do lỗi chủ quan của nhà thầu trả điện muộn so với lịch cắt điện đã được duyệt như sau:</li> <li>+Mức khấu trừ/ 1 lần = 10% x giá trị công việc thực hiện theo lần/ số lần đăng ký cắt điện đã được duyệt.</li> <li>- Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà</li> </ul>

	<p>thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên;</p> <p>+ Yêu cầu khác (nếu có)</p> <p>* Mức khấu trừ tối đa: 12% giá hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>- Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình.</p> <p>- Bồi thường thiệt hại do lỗi của nhà thầu trả điện muộn so với lịch cắt điện đã được duyệt,...an toàn, phòng cháy chữa cháy, môi trường.</p>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: <b>không áp dụng</b>
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: <b>28/2/2026</b>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <b>28/2/2026</b>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: 10.000.000 VNĐ.
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.